TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2024/DS-ST
Ngày 06 - 12- 2024
V/v tranh hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công kH vụ án dân sự thụ lý số: 668/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp Phú H, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Minh H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Cù Thanh H, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Nguyễn Phước T trình bày:*

Bà H và ông H có tham nhiều dây hụi do ông T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/01/2017 (al), gồm 35 phần, tháng khui 1 lần, ông H và bà H tham gia 1 phần. Quá trình tham

gia hụi ông H và bà H đã hốt hụi, đóng hụi chết đến kì khui thứ 33 thì ngưng đóng, còn nợ 2 kì hụi chết bằng 4.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ H: loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/02/2018 (al), gồm 35 phần, tháng khui 1 lần, ông H và bà H tham gia 1 phần. Quá trình tham gia hụi ông H và bà H đã hốt hụi, đóng hụi chết đến kì khui thứ 16 thì ngưng đóng, còn nợ 19 kì hụi chết bằng 38.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/01/2019 (al), gồm 32 phần, tháng khui 1 lần, ông H và bà H tham gia 1 phần. Quá trình tham gia hụi ông H và bà H đã hốt hụi, đóng hụi chết đến kì khui thứ 6 thì ngưng đóng, còn nợ 26 kì hụi chết bằng 52.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/01/2019 (al), gồm 43 phần, tháng khui 02 lần, ông H và bà H tham gia 1 phần. Quá trình tham gia hụi ông H và bà H đã hốt hụi, đóng hụi chết đến kì khui thứ 9 thì ngưng đóng, còn nợ 34 kì hụi chết bằng 17.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H và bà H có hỏi vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay và tiền hụi là 121.000.000 đồng. Bà H và ông H trả được 5.000.000 đồng còn nợ 116.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông H và bà H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi và tiền mượn là 116.000.000 đồng.

** Bị đơn bà H trình bày:*

Qua trình bày của ông T về số tiền hụi và tiền vay còn nợ là đúng. Ông H có biết việc bà tham gia hụi nhưng không trực tiếp tham gia nên không biết cụ thể số nợ. Việc bà tham gia hụi và vay tiền từ ông T cũng để phục vụ chung cho sinh hoạt trong gia đình. Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện trả nợ cho ông T. Qua yêu cầu của ông bà đồng ý trả cho ông T số tiền hụi và tiền vay là 116.000.000 đồng.

** Theo đơn trình bày ý kiến của ông Lê Minh H ngày 27/11/2024 thể hiện:* Ông xác định ông không có tham gia hụi của ông T, bà H tham gia hụi để chi xài cá nhân, không phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình, ông không đồng ý cùng bà H trả nợ cho ông T. Án phí dân sự sơ thẩm ông đồng ý chịu cùng bà H và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông T thấy rằng, việc ông T cho rằng bà H và ông H có tham gia hụi do ông làm chủ và có vay tiền của ông tính đến nay còn nợ ông là 116.000.000 đồng là có căn cứ được bà H thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán: Theo ông H xác định việc bà H tham gia hụi ông không biết, bà H hốt hụi cũng để chi sài cá nhân nhưng ông không chứng minh được vấn đề này trong khi giao dịch và số nợ này phát sinh trong thời gian ông và bà H còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, bà H khẳng định số tiền bà hốt hụi và vay từ ông T là phúc vụ chung trong gia đình. Mặt khác, ông H cho rằng nợ riêng bà H, không đồng ý cùng bà H trả nợ cho ông T nhưng lại đồng ý chịu án phí cùng bà H nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định khoản nợ hụi và nợ vay mà ông T yêu cầu là nợ chung của ông H và bà H. Do đó, buộc ông H phải cùng có nghĩa vụ với bà H trả cho ông T số tiền hụi 116.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự: Ông T không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Bà H phải chịu 1.450.000 đồng (bà H có đơn xin giảm án phí và được xem xét giảm 50%); ông H được miễn án phí (có đơn xin miễn án phí và được xem xét miễn toàn bộ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T. Buộc ông Lê Minh H và bà Cù Thanh H trả cho ông Nguyễn Phước T số tiền 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Phước T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Minh H và bà Cù Thanh H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Phước T không phải chịu. Bà Cù Thanh H phải chịu 1.450.000 đồng (bà H có đơn xin giảm án phí và được xem xét giảm 50%); ông Lê Minh H được miễn án phí (có đơn xin miễn án phí và được xem xét miễn toàn bộ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai